TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Minh Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đặng Thị Thu**

2. Ông **Nguyễn Văn Huyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lường Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Chuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc "*Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**. Sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Bị đơn*: Chị **Hoàng Thị C**. Sinh năm 1978. Vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Bệnh viện T, Gia Nghĩa, Đài Trung, lãnh thổ Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị C nhận các văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Văn Đ**, địa chỉ: Tòa Green Office, ngõ 102, đường T, quận Đ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/1998 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh năm 1998 và Nguyễn Văn V sinh năm 2001. Năm 2014 chị

C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến năm 2018 chị C trở về quê để thăm gia đình, sau đó chị C lại tiếp tục sang Đài Loan làm việc, từ đó đến nay chị C không về nước thêm lần nào nữa. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi anh T nhận được thông tin chị C có quan hệ tình cảm (ngoại tình) với người khác tại Đài Loan, sự việc vỡ lở nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Từ đó đến nay chị C không còn quan tâm đến anh T và 02 con, cũng không liên lạc với anh T. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh T và chị C có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh năm 1998 và Nguyễn Văn V sinh năm 2001; các con chung hiện nay đã thành niên, phát triển khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung, không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh T, chị C không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

Do hiện nay chị C đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án.

Tại Bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chị Hoàng Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/1998 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Sau khi kết hôn chị C và anh T chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh năm 1998 và Nguyễn Văn V sinh năm 2001.

Năm 2014 chị C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến năm 2018 chị C trở về quê để thăm gia đình, sau đó vì cần kiếm tiền nuôi các con ăn học nên chị C lại tiếp tục sang Đài Loan làm việc. Quá trình đi xuất khẩu lao động chị C vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh T sửa nhà, chi phí sinh hoạt và nuôi 02 con ăn học. Tuy nhiên anh T ghen tuông cho rằng chị C ở nước ngoài có quan hệ bất chính với người khác, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2019 và từ thời điểm này chị C không gửi tiền về cho anh T nữa.

Nay chị C vẫn đang trong hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan và do dịch bệnh nên không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị C nhất trí xin được ly hôn.

Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Văn Đ sinh năm 1998 có công việc và thu nhập ổn định nên không cần phải cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Văn V sinh năm 2001 đang học đại học nên chị C và anh T sẽ cấp dưỡng cho cháu ăn học xong đại học, tiền cấp dưỡng chị C và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C xác định anh chị có tài sản chung là một phần của căn nhà hiện nay anh T và các con đang sinh sống; và số tiền 200.000.000^{đ} chị C gửi về trong thời gian đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và có một ngôi nhà gỗ

của bố mẹ chồng để lại. Chị C yêu cầu anh T trả cho chị C số tiền 200.000.000đ và chia một phần công sức đóng góp đối với việc sửa chữa ngôi nhà.

Về nợ chung: Thời gian chung sống hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh T và chị C kết hôn hợp pháp năm 1998. Từ năm 2014 đến nay, chị C đi xuất khẩu lao động tại lãnh thổ Đài Loan, hai người sống ly thân, phát sinh mâu thuẫn, không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: 02 con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung chị C yêu cầu: Đối với căn nhà đang ở anh T phải làm 01 bản giấy tờ xác nhận ¼ là của chị với sự chứng kiến của Trưởng thôn và Tòa án xác nhận; Anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền 200.000.000đ trong năm 2022. Anh T đã được trực tiếp xem ý kiến của chị C tại "Bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" ghi ngày 26/12/2021 và nhất trí toàn bộ ý kiến trình bày của chị C. Mặc dù nguyên đơn đồng ý chia tài sản chung nhưng đây là tài sản chung của hộ gia đình; tại phiên tòa nguyên đơn không chứng minh được cụ thể tài sản chung của vợ chồng, công sức đóng góp của mỗi người và giá trị của tài sản. Mặt khác, bị đơn đang lao động ở nước ngoài không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung của mình nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, không xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này.

Căn cứ Điều 28, 37, 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Nguyễn Văn T ở được ly hôn với chị Hoàng Thị C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do nguyên đơn là công dân Việt Nam hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do vậy theo quy định tại Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về nội dung vụ án:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn

vào ngày 22/1/1998 tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh năm 1998 và Nguyễn Văn V sinh năm 2001. Năm 2014 chị C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến năm 2018 chị C trở về quê để thăm gia đình, sau đó vì cần kiếm tiền nuôi các con ăn học nên chị C lại tiếp tục sang Đài Loan làm việc, đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Từ đó đến nay chị C không về nước thêm lần nào và không liên lạc với anh T nữa.

Anh T và chị C đều khẳng định đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh T có đơn xin ly hôn thì chị C đồng ý với đề nghị ly hôn của anh T.

Do hiện nay chị C đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

[3] Căn cứ vào lời khai của cả hai bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tình cảm: Chị C và anh T đều khẳng định cuộc sống chung của vợ chồng có những mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài, hai vợ chồng không còn quan tâm liên lạc với nhau, nay anh T xin ly hôn với chị C, chị C cũng nhất trí xin được ly hôn.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của 02 con chung về tình hình cuộc sống hôn nhân của chị C và anh T. Hai con chung đều khẳng định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là có thật và nhất trí với việc vợ chồng chị C và anh T ly hôn.

HĐXX nhận định về tình cảm thì hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị C không có sự sẻ chia, gắn bó nên không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Sau khi kết hôn chị C và anh T chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ sinh năm 1998 và Nguyễn Văn V sinh năm 2001. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung: Đối với số tài sản mà chị C xác định là tài sản chung như yêu cầu chia một phần ngôi nhà và số tiền là 200.000.000^{đ} (*Hai trăm triệu đồng*) là tiền chị C gửi về cho anh T, tuy nhiên hiện nay chị C đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, chỉ có một văn bản duy nhất nêu ý kiến ngoài ra chị C không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đối với tài sản chung và không xác định cụ thể tài sản ở đâu, giá trị của tài sản như thế nào, không có đơn yêu cầu giải quyết để từ đó xác định nghĩa vụ chịu tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Trường hợp đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

- Về nợ chung: Thời gian chung sống hai vợ chồng xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu số tiền ủy thác tư pháp là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) và số tiền giám định tư pháp là 7.200.000đ(*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh T đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 28, 37, 147, 153, 161, 464 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị C.

- Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu số tiền ủy thác tư pháp là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) và số tiền giám định tư pháp là 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*). Xác nhận anh T đã nộp đủ.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai số 02067 ngày 04/01/2021 của Cục thi hành dân sự tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao
- VKSND tỉnh
- Cục THA tỉnh Bắc Kạn
- Các đương sự
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hường